

VÀI NÉT VỀ NHẬT BẢN THỜI MINH TRỊ (1868 - 1912)

CUNG HỮU KHÁNH*

Triều đại Minh Trị (1868 - 1912) đã nổi lên như một Triều đại quyết tâm hiện đại hoá đất nước một cách thận trọng trong lịch sử Nhật Bản. Những điều kiện tạo cơ sở cho công cuộc hiện đại hoá này đã được hình thành và phát triển từ trong suốt thời Tokugawa. Với tinh thần đuổi kịp phương Tây, người Nhật đã hấp thụ đầy đủ nền văn minh phương Tây để tác động tới mọi tầng lớp trong xã hội, đi từ chấp nhận truyền thống cũ sang việc thận trọng thực hiện những mục tiêu mới, quyết tâm dứt bỏ quá khứ.

Công cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 - 1912, ngoài tầm quan trọng của nó đối với lịch sử Nhật Bản, còn là một sự kiện lớn trong lịch sử thế giới và đã thực sự thu hút mối quan tâm của giới học thuật trong và ngoài nước.

Công cuộc duy tân về bản chất là việc thu lại quyền hành cho chính quyền quân chủ tập trung, đứng đầu là Thiên hoàng Minh Trị. Chính quyền mới với sự trợ giúp của các Samurai trung thành từ các han miền Tây, từ Satsuma, Choshu và Tosa - những người đã thực hiện thành công những cải cách lớn về quân sự, hành chính, tài chính từ trong và sau thời đại Tempo (1830 - 1844), đã tạo ra thể vững chắc, quyết tâm can dự vào công việc chính trị quốc gia.

Đỉnh điểm của quyết tâm này là việc Iwakuza Tomomi (1825 - 1883), một nhà quý tộc cấp tiến có thế lực trong triều, ngày 3 - 1 - 1868 đã đứng ra viết dự thảo công bố việc phục hưng chế độ Hoàng gia. Việc từ chức của

Tokugawa Yoshinobu được chấp thuận, các chức vụ cao cấp của chính quyền Bakufu đều bị bãi bỏ. Việc này đã tước bỏ hoàn toàn vai trò là thể chế của chính quyền nhà nước của Bakufu.

Tuy nhiên, nhiều thuộc hạ của Yoshinobu, đặc biệt là các thủ lĩnh ở các han miền Bắc đã không dễ dàng tuân theo. Cuộc chiến bắt đầu gần Tokyo tháng 1 - 1868, kéo dài cho tới khi các lực lượng của Tokugawa ở Hokkaido đầu hàng vào tháng 6 năm 1869. Chính quyền mới đã bắt đầu công việc cấu trúc lại nền hành chính của đất nước, kể cả việc rời cung điện Thiên hoàng về Edo, nay là Tokyo.

Nói chung, lực lượng ủng hộ cải cách từ trước và sau năm 1868, chủ yếu đều là những người trong hàng ngũ các Samurai cấp trung và cấp thấp, cùng những thương gia ở nông thôn. Đại đa số quần chúng hầu như không dính dáng gì đến các vấn đề chính trị quốc gia thời bấy giờ.

Về ý thức hệ, cuộc duy tân được thúc đẩy không phải chỉ do lòng trung thành với hoàng gia, sự căm ghét chế độ Bakufu, mà còn do tư tưởng yêu nước bài ngoại từ trước đó. Khẩu hiệu Sonnò joi (Tôn trọng nhà vua, đuổi quân dã man) và phong trào bùng nổ do những hiệp ước bất công khiến Bakufu ngày càng bị đả kích gay gắt vì đã không thể đối đầu với ngoại bang. Như vậy, nguyên nhân thực sự thúc đẩy cuộc phục hưng chính là sự thất bại trong chính sách bế quan toả cảng, được thực thi từ trước thời công nghệ hoá ở Nhật Bản.

Theo những hiệp định "bất công" được ký kết với nước ngoài, Nhật Bản không được đánh thuế vào các hàng nhập cảng của nước ngoài

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

trên mức hải quan chiếu lệ, người nước ngoài phạm pháp không thuộc quyền xét xử của toà án Nhật mà phải được xử theo luật tại toà án đặc biệt tại lãnh sự quán nước họ. Những điều khoản như vậy là mối đe dọa rất lớn đối với nền kinh tế cũng như vi phạm chủ quyền của Nhật Bản.

Do đó, vì sự phồn vinh của đất nước cũng như danh dự của Nhật Bản, trong quan hệ với các cường quốc, chính quyền đã thử dùng nhiều cải cách tiến bộ và quan trọng, tiến tới việc ký kết một hiệp ước mới bình đẳng vào năm 1894. Điều này chứng tỏ thái độ kiên quyết từ bỏ chính sách bế quan toả cảng, thực hiện hiện đại hoá bằng mọi giá; các hội nghị xem xét lại các hiệp định được tiến hành trên cơ sở cải cách thể chế luật pháp và chính trị của Nhật Bản gần hơn với phương Tây.

Sự thực, chính sách ngoại giao Minh Trị luôn bị những sức ép từ những ý kiến bất đồng trong chính quyền hoặc trong dân chúng, những người thiếu thông tin hoặc hiểu lầm, hoặc do cả hai nguyên nhân trên.

Ngoài vấn đề xét lại các hiệp ước, chính sách ngoại giao Minh Trị cũng còn quan tâm đến vấn đề phân định ranh giới và an ninh quốc gia, một vấn đề ảnh hưởng đến mỗi bang giao với ba quốc gia lân bang là Triều Tiên, Trung Quốc và Nga.

Cuộc đàm phán với Nga thất bại, chiến tranh nổ ra năm 1904. Cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) chấm dứt, Nga chấp nhận trả cho Nhật miền nam Sakhalin và cảng Arthur. Triều Tiên nằm dưới quyền bảo hộ của Nhật Bản và bị sát nhập năm 1910. Nhật Bản đã được các nước công nhận có một lãnh vực ảnh hưởng "tự nhiên" tại Đông Bắc Á.

Tuy nhiên, không phải tất cả đều suôn sẻ, chính quyền vẫn phải đối phó với dư luận phản đối của công chúng, nhưng nghiêm trọng hơn là

lúc này mặc dù Nhật Bản đã đạt tới hàng cường quốc, nhưng bên trong vẫn đầy rẫy những sự thù hận và phe phái. Hơn nữa, từ thời Minh Trị, ngoại giao Nhật Bản mang bản chất dân tộc chủ nghĩa triệt để và vô cùng cơ hội. Đó chính là nhân tố khó làm dịu đi sự căng thẳng quốc tế và nguy cơ chiến tranh.

Về các chính sách kinh tế và buổi đầu hiện đại hoá trong vòng nhiều năm, chính quyền mới đã phát triển những thử nghiệm thời Tokugawa về kỹ thuật của công nghệ phương Tây thành một chương trình hiện đại hoá kinh tế mở rộng và vĩnh cửu. Nhật Bản chỉ coi công nghệ và một nền kinh tế hiện đại như con đường đi tới an ninh quốc gia và trở thành một cường quốc. Sự phát triển trong thời Tokugawa đã tạo cho nhân dân một trình độ học thức cao và có nhiều kỹ năng trong nghệ thuật thủ công. Những thành phố với một hệ thống xưởng chế biến và công việc kinh doanh trải rộng các vùng quê là điều rất quan trọng. Tín dụng và mối quan hệ thường xuyên trong kinh doanh đã góp phần phát triển kinh tế nông thôn, bởi một thực tế là các làng ở nông thôn Nhật Bản lúc này vẫn là cơ sở sản xuất chính cho tới tận thế kỷ XIX.

Mặc khác, chỉ có phương pháp hiện đại mới có thể cứu các nghề thủ công trong nước khỏi bị xoá sổ, và đủ sức cạnh tranh với hàng hoá phương Tây. Chính quyền đã đưa vào đất nước những công nghệ và phương pháp mới để thay thế công nghệ cũ trong các ngành sản xuất nông nghiệp và dệt; cử sinh viên ra học tập ở nước ngoài, nhập khẩu kiến thức; lập kế hoạch giải quyết vấn đề vốn đầu tư cho các dự án... Mặc dù chính quyền rất cố gắng trong công cuộc hiện đại hoá, nhưng phải rất lâu sau mới có kết quả rộng rãi, tác động được tới toàn bộ nền kinh tế. Trong lĩnh vực truyền thông, điện thoại được mở rộng, chính phủ đã tài trợ rất mạnh cho công ty Mitsubishi thành lập Công ty

Nihon Yusen Kaisha (Công ty Hàng hải Bưu chính Nhật Bản) - một công ty rất có triển vọng trở thành hãng tàu biển vận tải hàng hải lớn nhất thế giới. Việc xây dựng ngành đường sắt

và khai khoáng mở lúc đầu được tiến hành với sự giúp đỡ của các cố vấn và chuyên gia nước ngoài cũng dần dần được cải thiện.

Năm	Tàu 1.000 tấn	Năm	Cây số đường sắt
1872	26	1872	29
1880	66	1883	386
1890	143	1887	1.030
1896	363	1894	3.380
1903	357	1904	7.564
1913	1.574	1914	11.426

Nguồn: R.H.P Mason & J.G.Caiger. *Lịch sử Nhật Bản*, người dịch Nguyễn Văn Sĩ, Nxb Lao động, Hà nội, 2003, Tr. 316 – 317.

Ở Nhật Bản, trữ lượng vàng, bạc và chì không nhiều lắm, nhưng đến đầu thế kỷ XX, Nhật Bản đã đứng hàng thứ tư về sản xuất đồng. Các mỏ than ở miền Bắc Kyushu và trung tâm Hokkaido được khai thác phục vụ công cuộc mở mang công nghệ sản xuất thép trở thành một trong những trụ cột của nền kinh tế mới. Công nghiệp dệt phát triển, nghề trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ, dệt lụa truyền thống cũng phát đạt, sản phẩm làm ra rẻ hơn sợi nhập ngoại và dễ sử dụng với những máy dệt hiện đại. Chính phủ đã xúc tiến hiện đại hoá qua việc nhập khẩu máy móc và tổ chức hội thảo lớn về máy quay sợi năm 1880...

Việc hiện đại hoá kinh tế trong thời Minh Trị không phải chỉ gồm có việc nhập khẩu những công nghệ và kỹ thuật riêng rẽ. Cả một xã hội được thay đổi tận gốc, việc cải cách tài chính và phát triển hệ thống ngân hàng hiện đại cũng được thực hiện. Sau năm 1885, Ngân hàng Quốc gia Nhật Bản đã in được giấy bạc. Từ năm 1880, Bộ trưởng Tài chính Matsukata Masayoshi (1835 - 1924) đã thực hiện chính sách hạn chế chi tiêu, giảm lạm phát, thu về một số lượng lớn số tiền mà nhà nước đã phát hành trước đó. Kết quả là giá trị đồng Yên đã

tăng dần lãi so với vàng và bạc. Tới năm 1897, với sự bồi thường chiến tranh của Trung Quốc, đồng tiền Nhật đã có thể chuyển đổi ngang bằng với vàng, đúng với lý thuyết kinh tế thời đó. Vào năm 1882 có tới 143 ngân hàng Quốc gia hoạt động. Năm 1890 có hàng mấy trăm ngân hàng tư nhân hoạt động.

Ngân hàng, tiền tệ, may mặc, dệt vải, khai thác mỏ, đường sắt, đóng tàu là nền móng của nền kinh tế công nghiệp Nhật Bản, đã được đặt chắc chắn vào những năm cuối thế kỷ XIX. Sự lãnh đạo của chính phủ trong việc lập dự án kế hoạch, trong vấn đề tài chính và quản lý hoạt động kinh doanh những ngày đầu đã là yếu tố quan trọng cho sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước.

Những công nghệ mới, bất kể thuộc sở hữu tư nhân hay nhà nước đã được hỗ trợ rất nhiều tiền lấy từ khu vực kinh tế truyền thống hoặc kinh tế nông nghiệp. Với ruộng đất còn manh mún và cơ giới hoá hầu như chưa có, nên nền nông nghiệp vẫn còn là lao động chân tay nặng nhọc. Chính phủ đã xúc tiến thành lập những phòng ban nông nghiệp, tuyên truyền phổ biến những phương cách tăng năng suất, động viên nhân dân trợ giúp lẫn nhau. Nông dân cày cấy

thêm nhiều ruộng, mua thêm những phân bón nhập ngoại có hiệu quả, tìm kiếm cái loại giống tốt, mở rộng việc kinh doanh địa phương như mở thêm ngân hàng, bảo hiểm và xây dựng giao thông địa phương với nòng cốt là muôn vàn những nông gia tâm cỡ và nhà buôn ở nông thôn. Tiêu biểu nhất phải kể đến Iwasaki Yataro (1834 - 1885) và Shibusawa Eiichi (1840 - 1931). Iwasaki, một Samurai nông thôn ở Tosa, đã gần như một mình lập nên công ty Mitsubishi. Shibusawa, xuất thân từ nông dân đã là người đầu tiên đưa vào Nhật những kỹ năng hiện đại về kinh doanh, bao gồm hệ thống xí nghiệp cổ phần đầu tiên trong nước.

Xét cho cùng, Nhật Bản hiện đại không phải là công trình sáng tạo riêng của chính phủ và các nhà tỷ phú, chính người dân đã hoàn tất những gì chính phủ và các nhà lãnh đạo khởi xướng. Với muôn vàn những sáng kiến dù lớn, dù nhỏ của các công dân đã đẩy xã hội tiến lên mạnh mẽ trong thời đại mới.

Trong xã hội Nhật kể từ thời Tokugawa, trật tự chính thức được dựa vào dòng dõi và thừa kế. Tuy việc phân chia tầng lớp trong xã hội về nguyên tắc cho rằng mọi cá nhân thừa hưởng công việc và vị trí trong cuộc sống từ bố mẹ, nhưng sự thể trong thực tiễn lại không hẳn như vậy. Do đó, việc bốn tầng lớp chính trong xã hội là Samurai, nông dân, thợ thủ công và thương nhân có khi thu lại chỉ còn hai là Samurai và người dân thường (bình dân).

Tuy nhiên, sự phát triển nổi bật nhất trong trật tự chính thức của xã hội không phải ở chỗ kết cấu nhiều tầng lớp hoặc sự di chuyển từ tầng lớp này sang tầng lớp khác mà là sự thay đổi trong hệ thống hiện hữu, giữa tầng lớp Samurai và thương nhân. Việc các nhà buôn nổi lên, được coi là nhân tố góp phần lật đổ chế độ phong kiến Tokugawa và xoá bỏ nó vào năm 1868.

Quá trình phát triển tiền tệ hoá và nền kinh tế thị trường ngay từ thời Tokugawa đã có những tác động lớn. Trước hết, nó tạo ra một mức sống cao hơn cho người dân, tuy chậm nhưng bền vững. Thứ hai, việc phát triển nền kinh tế thị trường, thương mại hoá đã thúc đẩy sản xuất ở địa phương và ở các làng, hoà nhập vào thị trường toàn quốc, khiến Nhật Bản lần đầu tiên trong lịch sử trở thành một thực thể kinh tế thống nhất.

Việc hình thành và phát triển của những thị trấn trên khắp đất nước đã gây một cú sốc cho nền kinh tế nông nghiệp, lôi kéo nó thoát khỏi quá khứ tĩnh lặng của truyền thống tự cung tự cấp, đi vào guồng máy thương mại hoá. Mức sống chung của nông dân thay đổi rõ rệt, tuy không tránh khỏi sự phân hoá giàu nghèo, nhưng rõ ràng số phận của những người nông dân truyền thống không còn là số phận nghèo nàn không lối thoát.

Tuy ngày càng có sự phân hoá khác nhau như trên, nhưng làng vẫn giữ ý nghĩa của nó là một thực thể “cộng đồng gia đình”, một tổ hợp tác. Truyền thống tình làng nghĩa xóm và mối hợp tác với nhau không hề mất, nó vẫn được duy trì để tiến hành những công việc quan trọng trong đời sống công cộng như việc tổ chức sản xuất và sử dụng đất công. Nó vẫn là đơn vị để thu thuế và thi hành chính sách nói chung. Lúc này, kinh tế của làng phát triển chủ yếu với những điền chủ nhỏ – những “gia đình hạt nhân”, quản lý những điền trang khoảng 1 hecta. Với những thay đổi trên, sản xuất nông nghiệp tăng rất nhanh. Không những sản xuất chính như: thóc lúa, kê, đậu nành, lúa mì, lúa mạch tăng mà các loại khác như bông, gai, khoai tây, chè, thuốc lá, nhân sâm, đường, cây cho dầu... cũng được trồng rộng rãi; nghề trồng dâu nuôi tằm phát triển lên rất mạnh.

Những điều đó cho thấy: cơ cấu ruộng đất thay đổi là do thương mại hoá, và hầu hết các nguyên nhân khác làm tăng sản lượng nông nghiệp cũng có thể coi là trực tiếp có liên quan đến sự lớn mạnh của thị trường. Các kiến thức để tạo cơ hội làm giàu cũng tăng như cách chọn giống tốt, tăng vụ... để tăng sản lượng. Cuối cùng là việc chuyên môn hoá sản phẩm từng vùng để trở thành sản xuất hàng hoá bao gồm cả việc dệt tơ lụa, vải vóc...

Những thành tựu trong công việc hành chính và văn hoá của tầng lớp ưu tú dám nghĩ dám làm ở các vùng nông thôn đã được coi là di sản của thời Tokugawa để lại cho Nhật Bản hiện đại.

Trước thời Minh Trị, Kyoto đã nổi tiếng về nghệ dệt gấm cùng nhiều công nghệ thủ công mỹ thuật khác, nhưng vẫn thua Osaka và Edo về dân số và thương mại. Ba thành phố này đã đạt đỉnh cao về hoạt động kinh tế trong nước. Osaka là trung tâm dịch vụ hối đoái của toàn quốc, một nguồn tín dụng to lớn. Edo là thành phố đứng đầu về tiêu thụ. Cuộc sống ở thành phố đầy vẻ nhộn nhịp, buôn bán đa dạng, phong phú chủng loại. Ở Osaka có 24 phường buôn; các hãng sản xuất, kinh doanh cũng không ngừng được sáng lập... Cuộc sống nơi đô thành tràn đầy nét phồn hoa, sự hưởng thụ, vui chơi giải trí.

Về văn học nghệ thuật, có nhiều thành tựu xuất sắc rất đáng chú ý. Một trong số đó là những tác phẩm của nhà văn Saikaku, một nhà văn đương thời thường viết về đề tài có liên quan đến hai mối quan tâm lớn nhất của thế giới phù vân: tiền bạc và tình yêu xác thịt. Đặc biệt, những chuyện ngắn của ông viết về những phương thức kiếm tiền (hoặc mất tiền) là những bức phác hoạ rõ nét về cuộc sống nơi thành thị thời tiền hiện đại. Những thể loại sân khấu như Kabuki và Buraku rất phát triển. Nói về Kabuki,

mục đích của loại hình nghệ thuật này lúc đó chỉ là để mua vui cho khán giả một cách mạnh mẽ và đầy xúc cảm với những dàn nhạc lớn gồm trống, sáo, chuông và đàn Samixen 3 dây, đôi khi có cả người hát phụ hoạ. Sức mạnh chủ yếu của sân khấu Kabuki là những hình ảnh hấp dẫn, cảnh trí cầu kỳ, quân áo trang phục cùng diễn xuất của diễn viên tạo nên quang cảnh lung linh hấp dẫn, lôi cuốn khán giả. Ukiyo - e cho thấy hình ảnh cuộc sống đương thời nhiều hơn những bức tranh truyền thống về hoa lá chim muông hoặc những cảnh lấy ra từ sách vở cổ điển và lịch sử Trung Quốc hay Nhật Bản. Nhiều bức tranh lấy đề tài từ những người bình dân. Chính từ Edo, kỹ thuật vẽ in bản gỗ nhiều màu sắc đã trưởng thành với công lao không chỉ của người nghệ sĩ mà cả của các nhà điều khắc với những việc khắc phiên bản (mỗi một phiến chỉ in một màu), việc chuẩn bị chọn màu và tiến hành in đều là những công việc đòi hỏi kỹ năng cao... Tất cả những giá trị được tạo ra trong thời kỳ này đã tạo cơ sở cho những phát triển sau này của văn hoá truyền thống Nhật Bản.

Vào thời Minh Trị, bất chấp những khó khăn với việc đảng phái chính trị và tinh thần tự do phát triển mạnh, chính quyền mới đã hành động nhanh chóng và quyết tâm thực hiện những chính sách liên quan tới bình đẳng xã hội và luật pháp. Hình thức phân hoá giàu nghèo chưa mất hết; quyền tư hữu gắn liền với hệ thống sản xuất tư bản trở thành trụ cột của nhà nước dân tộc và là một yếu tố chủ yếu nhằm chia sẻ quyền lực nội bộ giữa quan chức và các thành phần khác. Phụ nữ được giải phóng, những thanh niên tài năng có thể phấn đấu trong trường học, trong nghề làm báo, trong kinh doanh và nông nghiệp, trong dịch vụ dân sự hoặc trong quân đội.

Đó là tình hình buổi đầu của thời đại, nhưng những người lãnh đạo trong những thập kỷ đầu đã đủ sức tác động đến các chương trình hiện đại hoá của chính quyền. Sự lựa chọn của cá nhân kết hợp với sự chỉ đạo của chính quyền đã thay đổi cuộc sống của nhân dân và trong khi chính quyền hướng dẫn dòng chảy của các sự kiện, thì dòng chảy đó càng được xác định hơn bởi những quyết định mang tính chất riêng tư của các cá nhân.

Ấn phẩm gồm những sách báo nước ngoài được nhập vào hoặc dịch ra tiếng Nhật. Tới năm 1890 báo chí đã được phát hành trong cả nước và đạt tiêu chuẩn rất cao. Trong lĩnh vực giáo dục công, từ 1872 Nhật Bản đã sớm thiết lập một hệ thống giáo dục cho trẻ em cả nước. Đến 1910, trẻ em cả gái lẫn trai, từ 6 đến 12 tuổi đều đã có thể học tập tại các trường ở địa phương. Thành tựu đã đưa Nhật Bản sánh vai với những nước Châu Âu phát triển nhất. Giáo dục trên tiểu học không bắt buộc, ở đây có sự tác động của toàn cảnh kinh tế, mà cơ hội chỉ hé mở ra nửa sau thế kỷ XX; nhưng rõ ràng là chính sách ưu tiên lớp người ưu tú phổ biến thời Minh Trị đã có ảnh hưởng rất to lớn, chú trọng tới tài năng chứ không theo dòng dõi. Chi phí cho học sinh tại các trường trung học, cao đẳng và đại học do nhà nước quản lý được giữ ở mức tối thiểu. Ngoài ra còn rất nhiều trường trung học, cao đẳng của tư nhân. Các nhà truyền giáo Cơ đốc cũng tích cực nâng cao học vấn cho phụ nữ...

Hai trường đại học ở Tokyo: Trường Keio (do Fukuzawa Yukichi sáng lập năm 1858) và trường Waseda (do Okuma Shigenobu sáng lập năm 1882) đến nay vẫn là những trường danh tiếng ở Nhật Bản. Việc cải cách mô hình giáo dục thời Minh Trị là sự kết hợp giữa sáng kiến của chính phủ với tư nhân, thông qua các thử nghiệm kể cả thành công và thất bại. Nhưng tất

cả mọi người từ quan chức đến các gia đình, thầy và trò, đều nhận được những cơ hội để vươn lên, đón nhận những tư tưởng mới và ảnh hưởng tích cực của nước ngoài, hân hoan xây dựng một nước Nhật Bản mới đổi thay thực sự.

Với người dân Nhật, công cuộc chấn hưng Minh Trị thực sự đã mở rộng chân trời cho những ai muốn tiến bộ, vươn lên.

Kỷ nguyên Minh Trị đã thực sự bỏ qua những truyền thống bảo thủ chặt hẹp, để lãnh nhiệm một vai trò mới, thúc đẩy và truyền bá những gì tiên tiến nhất của thời đại, đưa Nhật Bản lên địa vị hàng đầu ở Châu Á đương thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, Nxb Văn hoá - Thông tin, H - 1995.
2. Phan Ngọc Liên - Đinh Ngọc Bảo - Trần Thị Vinh, *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Văn hoá, H - 1995.
3. Goerge Season, *Lịch sử Nhật Bản*, Tập III, Nxb KHXH, H - 1994.
4. Richard Bowing và Peter Konicki, *Bách khoa thư Nhật Bản*, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản dịch, H - 1995.
5. Edwin O. Reichauer, *Nhật Bản quá khứ và hiện tại*, Người dịch: Nguyễn Nghị, Trần Bích Ngọc, Hiệu đính: Cao Xuân Hạo, Nxb KHXH - 1994.
7. Hữu Ngọc, *Chân dung đất nước mặt trời mọc*, Nxb Thế giới, 1993.
8. Micho Morishima, *Tại sao Nhật Bản thành công*, Nxb KHXH - Hà Nội 1991.
9. R.H.P Mason & J.G.Caiger, *Lịch sử Nhật Bản*, Nguyễn Văn Sỹ dịch, Nxb Lao động, H - 2003.
10. W Scott Morton, *Japan It's History and Culture*, New York, 1993.
11. Trần Mạnh Thường (Cb), *Một thế kỷ văn minh thế giới*, Nxb Văn hoá - Thông tin, H - 1999.